

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34 /2019/HS-ST

Ngày: 19/03/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cà Văn Pánh

2. Ông Lường Văn Hịa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2019/TLHS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 03 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Thào A S; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1957 tại Điện Biên; nơi ĐKKTT và chỗ ở: Bản N, xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: không; dân tộc: H'Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Thào A P (đã chết) và bà: Vàng Thị Ch (đã chết); có vợ là: Vàng Thị D, sinh năm 1959 và 09 con, lớn nhất sinh năm 1978; con nhỏ nhất sinh 2000; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và xử phạt vi phạm hành chính lần nào; ngày 12/12/2018 bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Thào A S: Ông Bùi Đình M – Luật sư cộng tác viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên.

Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lò Văn S - chức vụ: Chủ tịch UBND xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn dân sự: Ông Lò Văn Tr - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Người có nghĩa vụ liên quan: Ông Lò Văn Ch – Chức vụ: Cán bộ kiểm lâm Hạt kiểm lâm huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Người làm chứng: Anh Thào A Th, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

Người phiên dịch cho bị cáo: Anh Thào A S 1; SN: 1990; Trú tại: Bản N, xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

(Bị cáo; Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn dân sự; Người có nghĩa vụ liên quan; Người làm chứng; Người phiên dịch cho bị cáo có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 02/2018 Thào A S một mình mang theo một con dao quắm dài 70cm, cán dao làm bằng gỗ dài 35,5cm, lưỡi dao làm bằng thép dài 34,5cm, đi vào khu vực khe suối H, thuộc bản N, xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên để chặt phá rừng, mục đích để làm nương trồng lúa. Khi đến khu vực rừng ở khe suối H, thuộc bản N, xã M, huyện Điện Biên trong khoảng thời gian từ 09 đến 10 ngày Thào A S dùng dao quắm đã mang theo chặt phát toàn bộ những cây gỗ và cây bụi tại khu rừng sản xuất thuộc khoảnh 21, tiểu khu 817B, trạng thái rừng IIa (theo Quyết định số 76 ngày 14/01/2008 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt báo cáo kết quả rà soát, quy hoạch lại ba loại rừng tỉnh Điện Biên giai đoạn 2006 – 2020) với diện tích rừng bị chặt phá là 7.804m² (được đo bằng máy GPSmap 78 của Hạt kiểm lâm huyện Điện Biên) gây thiệt hại 78.202.000 đ (bảy mươi tám triệu hai trăm linh hai nghìn đồng). Sau khi chặt phát rừng xong Thào A S không nói với ai. Đến tháng 03/2018 trong thời gian S đợi cây khô để đốt thì bị lực lượng kiểm lâm và Ủy ban nhân dân xã M phát hiện. Ngày 02/03/2018 Ủy ban nhân dân xã M, huyện Điện Biên ra Quyết định số 15/QĐ-UB về việc đình chỉ phá rừng trái phép đối với Thào A S yêu cầu S không được đốt dọn và sản xuất canh tác trên diện tích rừng đã phá, Thào A S đã chấp hành theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-ĐG ngày 16/07/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Điện Biên đã kết luận: Khối lượng gỗ tròn các loại: thuộc nhóm V đến nhóm VIII khối lượng 18,213 m³, đơn vị tính M3; Số lượng 34,025; giá trị 68.050.000 đồng; Củi tận thu; ĐVT: M3; Số lượng 5,588; giá trị: 558.000 đồng; Cây gỗ có ĐK gốc <8cm; ĐVT: Cây; Số lượng 234; Giá trị: 9.594.000 đồng; Tổng cộng: 78.202.000 đồng; Về thiệt hại môi trường Hội đồng định giá không có đủ cơ sở để xác định về thiệt hại môi trường.

Tại phiên tòa bị cáo Thào A S một lần nữa đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo không có ý kiến thắc mắc đối với Bản kết luận định giá tài sản nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 30/CT-VKSĐB ngày 28/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên truy tố Thào A S về tội: “Hủy hoại rừng” theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã truy tố và đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 243; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách từ 36 (ba mươi sáu) đến 48 (bốn mươi tám) tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M và gia đình để giáo dục, quản lý. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015 và Điểm a Khoản 2 Điều 106/BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm là vật chứng của vụ án. Căn cứ Áp dụng Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015: Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản cho Nhà nước số tiền còn lại là: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng chẵn). Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Quyết định số 900/QĐ-TTg phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, ...chương trình 135 giai đoạn 2017 – 2010. Gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, sống ở xã đặc biệt khó khăn, nên miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Tại bản luận cứ bào chữa: Người bào chữa cho bị cáo nhất trí quan điểm truy tố của Viện kiểm, quyết định xét xử của Tòa án đối với bị cáo Thào A S về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không oan sai. Bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường cho Nhà nước số tiền 58.202.000 đồng, số tiền còn lại là 20.000.000 đồng, bị cáo không biết chữ, không nói được tiếng phổ thông, nên đề nghị HĐXX xem xét cho So được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điểm a, m, s Khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015. Đề nghị HĐXX xem xét, mở rộng lượng khoan hồng, đồng thời cho bị cáo được hưởng đầy đủ chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà Nước ta, nhằm cải tạo, giáo dục, cứu lấy cuộc đời một con người, do nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế, nên đề nghị tuyên phạt cho bị cáo mức án phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo; Bị cáo thuộc diện hộ nghèo, sống ở xã đặc biệt khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí HSST cho bị cáo.

Bị cáo hoàn toàn nhất trí bản luận cứ bào chữa của Người bào chữa không có ý kiến bổ sung vào bản luận cứ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự trình bày: Thào A S chặt phá 7.804 m² rừng sản xuất; sau khi bị phát hiện S đã chấp hành theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã M, huyện Điện Biên là không được đốt dọn và sản xuất canh tác trên diện tích rừng đã phá, để rừng phục hồi và tái sinh lại; Ngoài ra S đã tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường khoản tiền là 58.202.000 đồng cho Nhà nước vì vậy đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong phần tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát không đồng ý với đề nghị của người bào chữa về việc đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm a, m khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự năm 2015.

Lời nói sau cùng của bị cáo ngoài xin giảm nhẹ hình phạt bị cáo không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi và các Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, Người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đều hợp pháp Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về hành vi của bị cáo: Khoảng đầu tháng 02/2018, Thào A S một mình đã dùng dao quảm dài 70 cm vào khu vực khe suối H, thuộc bản H, xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên để chặt phá 7.804 m² rừng sản xuất thuộc khoảnh 21, tiểu khu 817, trạng thái rừng IIa (theo quyết định số 76 ngày 14/01/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt báo cáo kết quả rà soát, quy hoạch lại ba loại rừng tỉnh Điện Biên giai đoạn 2006 – 2010). Trữ lượng rừng bị chặt hạ tại khu vực rừng bị phá gồm: Tổng số cây bị thiệt hại gồm: Khối lượng gỗ tròn các loại; thuộc nhóm V đến nhóm VIII khối lượng 18,213m³; Củi tận thu: 5,588 m³; Cây gỗ có đường kính gốc <08 cm là 234 cây, mức độ thiệt hại cây 100%. Thiệt hại trữ lượng rừng là: 78.202.000đồng; phù hợp với Biên bản đo tính diện tích rừng, loại rừng trữ lượng lâm sản (gỗ) bị thiệt hại; Biểu thống kê sản lượng, trữ lượng rừng; Kết luận định giá cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phá rừng của S đã bị các cơ quan chức năng lập biên bản vi phạm và ra quyết định đình chỉ việc chặt phá rừng. Với hành vi và diện tích rừng bị phá như đã nêu ở trên thì bị cáo Thào A S đã phạm vào tội "**Hủy hoại rừng**" theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 243 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017. Người bào chữa cho bị cáo nhất trí về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án xét xử đối với bị cáo. Từ phân

tích, nhận định nêu trên có đủ cơ sở khẳng định Cáo trạng truy tố bị cáo Thào A S phạm vào tội "**Hủy hoại rừng**" theo điểm b Khoản 1 Điều 243 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của bị cáo.

[3]. Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội thì hành vi phạm tội của bị cáo: Bảo vệ rừng là trách nhiệm của toàn dân, các cấp, các ngành; bảo vệ chặt chẽ đối với rừng tự nhiên, đặc biệt là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất. Hành vi hủy hoại rừng của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo gây thiệt hại nghiêm trọng cho môi trường sinh thái; làm gia tăng các biến đổi khí hậu do tác hại của việc hủy hoại rừng gây ra. Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[4]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sinh ra và lớn lên trong gia đình có 06 anh chị em ruột, bị cáo không được đi học, năm 1977 kết hôn với Vàng Thị D và sinh được 09 người con, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; Tổng số tiền bị thiệt hại là 78.202.000 đồng, bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho nhà nước số tiền là 58.202.000 đồng (năm mươi tám triệu hai trăm linh hai nghìn đồng). Bị cáo là người dân tộc thiểu số, không được đi học, sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn theo Quyết định số 900 ngày 20/6/2017, diện tích rừng bị cáo chặt phá nguồn gốc là nương cũ được cha ông canh tác làm nương từ đời trước để lại, sau này quy hoạch thành rừng sản xuất, do trình độ dân trí thấp, canh tác lạc hậu, do thói quen tập quán cũ của người dân địa phương là phát nương, làm rẫy. Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết quy định tại điểm b, s Khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015 để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX áp dụng cho bị cáo thêm các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm a, m Khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015 không được HĐXX chấp nhận. Từ những phân tích nêu trên, để thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật Việt Nam, Hội đồng xét xử xét thấy sẽ xem xét, tuyên phạt bị cáo mức án phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm răn đe, giáo dục bị cáo để trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 243/BLHS năm 2015 bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 20.000.000đ đến 100.000.000đ. HĐXX xét thấy bị cáo thuộc hộ nghèo nên chấp nhận ý kiến của Người bào chữa và đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chặt, đốt rừng sản xuất gây thiệt hại về trữ lượng rừng là 87.202.000 đồng. Đây là tài sản của Nhà nước nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 48/BLHS năm 2015; Điều 584, 585, Khoản 1 Điều 586, 589 của Bộ luật Dân sự 2015. Ngày 30/01/2019 bị cáo đã bồi thường được 38.000.000 đồng, ngày 15/03/2019 bị cáo bồi thường tiếp được 20.202.000 đồng. Tổng là 58.202.000 đồng. Số tiền còn lại bị cáo chưa bồi thường là 20.000.000 đồng, buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho Nhà nước số tiền còn lại. Chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát về việc buộc bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền còn lại cho Nhà nước là 20.000.000 đồng.

Đối với thiệt hại về môi trường sinh thái, Hội đồng định giá tài sản không có đủ cơ sở xác định được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với UBND xã M và kiểm lâm địa bàn Lò Văn Ch được giao nhiệm vụ quản lý và bảo vệ rừng, hàng năm đã tiến hành tổ chức tuyên truyền công tác bảo vệ và phát triển rừng đến nhân dân trên địa bàn, tuy nhiên do địa bàn được giao phụ trách rộng, đường giao thông đi lại khó khăn nên chưa kịp thời ngăn chặn hành vi chặt phá rừng trái pháp luật. Xét thấy thấy hành vi không cấu thành tội phạm nên HĐXX không đặt vấn đề xử lý nhưng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm và chấn chỉnh công tác bảo vệ rừng trên địa bàn quản lý.

[8]. Thào A Th là người được Thào A S nói cho biết việc chặt phá rừng của S sau khi phá xong, nhưng không biết cụ thể đã chặt phá ở vị trí nào nên không đề cập vấn đề xử lý đối với Th.

[9]. Về xử lý vật chứng: 01 con dao quắm dài 70cm là vật dụng bị cáo dùng để chặt, phá rừng nên cần tịch thu tiêu hủy theo Điểm a Khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015 và Điểm a Khoản 2 Điều 106/BLTTHS năm 2015.

[10] Về án phí: Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Quyết định số 900/QĐ-TTg phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, ...chương trình 135 giai đoạn 2017 – 2020. Bị cáo được miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 243; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s Khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015. Điều 69 Luật thi hành án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Thào A S phạm tội “*Hủy hoại rừng*”

2. Xử phạt bị cáo Thào A S 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 36 tháng; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/03/2019).

Giao bị cáo cho UBND xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 357; Điều 468; Điều 584, Điều 585, Khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Thào A S phải bồi thường cho Nhà nước số tiền: 78.202.000.000 đồng (Bảy mươi tám triệu hai trăm linh hai nghìn đồng), bị cáo đã bồi thường được 58.202.000 đồng (Năm mươi tám triệu hai trăm linh hai nghìn đồng). Bị cáo còn phải bồi thường tiếp là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bị cáo không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền bồi thường cho Nhà nước thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015 và Điểm a Khoản 2 Điều 106/BLTTHS năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm chuôi dao làm bằng gỗ có tổng chiều dài 70cm, phần tiếp theo dao dài 34,5cm.

(Toàn bộ vật chứng của vụ án đã được cơ quan Điều tra Công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/2/2019).

5. Về án phí: Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Quyết định số 900/QĐ-TTg phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, ...chương trình 135 giai đoạn 2017 – 2020. Bị cáo được miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 19/03/2019, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 19/03/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DB;
- VKSND h. DB; VKSND tỉnh DB;
- Cơ quan Điều tra + Nhà TG, G h. DB;
- Bộ phận HSNV Công an huyện DB;
- Sở Tư pháp tỉnh DB +THA H.Sự;
- Chi cục THADS h. DB;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Nguyên đơn DS;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thanh Thủy

